

## TRAO ĐỔI

NÉT ĐỘC ĐÁO CỦA CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ  
TRONG CA KHÚC “TÌNH CÂY VÀ ĐẤT”  
CỦA TÔ THANH TÙNG

Phạm Ngọc Hàm\*

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN, Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 19 tháng 9 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 8 tháng 10 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 1 năm 2023

**Tóm tắt:** Ca khúc, nhất là tình ca có sức quyến rũ và thấm sâu vào lòng người trước hết là do sự bông trâm của thanh âm, nhưng vẻ đẹp của lời ca lại là điều kiện tiên quyết tạo nên sức sống mãnh liệt của ca khúc, khiến nó trường tồn với thời gian. Một trong những nhân tố quan trọng làm nên thành công của ca từ là việc vận dụng các biện pháp tu từ. Nét độc đáo của các biện pháp tu từ, nhất là ẩn dụ trong ca khúc “Tình cây và đất” của Tô Thanh Tùng ở chỗ lựa chọn hình ảnh ví von tưởng như phi lí mà thành có lí, để lại ấn tượng khó phai trong lòng người cảm nhận. Bài viết bằng phương pháp và thủ pháp phân tích, đối chiếu so sánh, làm nổi rõ giá trị của các biện pháp tu từ trong lời ca “Tình cây và đất”, khẳng định thêm một lần tài hoa nghệ thuật của Tô Thanh Tùng.

*Từ khóa:* tu từ, cây, đất, ca khúc, độc đáo

## 1. Đặt vấn đề

Thiên “Thuần điển” trong sách *Thượng thư có câu thi ngôn chí, ca vịnh ngôn* (诗言, 歌咏言), nghĩa là thơ dùng để bày tỏ chí khí của con người, ca giúp cho âm thanh của lời thơ được kéo dài, chậm chậm, bay bổng, làm nổi rõ ý nghĩa của lời thơ. Điều đó chứng tỏ điều kiện tiên quyết của một ca khúc hay là chất lượng ca từ. Ca khúc, nhất là tình ca có sức quyến rũ và thấm sâu vào lòng người trước hết là do sự bông trâm của thanh âm, nhưng vẻ đẹp của ca từ là nhân tố chủ yếu làm nên sức sống mãnh liệt của ca khúc, khiến nó trường tồn với thời gian. Một trong những nhân tố quan trọng làm nên thành công của ca từ là việc vận dụng các biện pháp tu từ, trong đó nổi bật nhất là ẩn dụ.

Nghiên cứu về ca từ ở Việt Nam khá

đa dạng, ngoài những bài viết của các nghệ sĩ nhìn nhận ca từ dưới góc độ nghệ thuật âm nhạc ra, nghiên cứu dưới góc độ ngôn ngữ học trước hết phải kể đến Dương Việt Á (2000) với cuốn *Ca từ trong âm nhạc Việt Nam*. Trong khuôn khổ 328 trang, tác giả đi sâu phân tích mối quan hệ giữa ca từ và âm nhạc, đồng thời làm rõ đặc điểm từ ngữ, trong đó có từ tượng thanh, từ đệm, từ láy, từ địa phương, nhất là từ ngữ mang sắc thái tu từ qua hàng loạt ví dụ tiêu biểu trong các ca khúc Việt Nam, mà phần lớn là các sáng tác trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tiếp đó là chuyên khảo của Nguyễn Thị Bích Hạnh (2015), nhan đề *Ẩn dụ tri nhận trong ca từ Trịnh Công Sơn*. Trên cơ sở phát triển nội dung luận án tiến sĩ cùng tên, trong khuôn khổ 320 trang sách, tác giả chọn góc ẩn dụ để khảo sát ngữ liệu qua trường hợp ca khúc của Trịnh Công Sơn. Từ đó, tác giả tiến hành

\* Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: [phamngochamnnvhtq@gmail.com](mailto:phamngochamnnvhtq@gmail.com)

giải mã các mô hình ẩn dụ tri nhận được Trịnh Công Sơn vận dụng một cách hết sức sáng tạo và linh hoạt, đồng thời phân tích vai trò và giá trị của biện pháp ẩn dụ, góp phần làm nên vẻ đẹp trong ca từ cũng như triết lý nhân sinh của người nghệ sĩ tài hoa này. Gần đây, nghiên cứu ca từ một cách khá toàn diện dưới góc nhìn ngữ nghĩa học từ vựng phải kể đến Nguyễn Thị Thúy Hà (2021) với luận án tiến sĩ nhan đề *Đặc điểm từ vựng – ngữ nghĩa của ca từ trong ca khúc cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975*. Tác giả đã thống kê được 826 từ ngữ có sự chuyển trường từ vựng – ngữ nghĩa với tần số xuất hiện lên đến 2650 lần. Trong nghiên cứu này, tác giả dành nhiều tâm huyết cho nội dung nghiên cứu về ẩn dụ, hoán dụ và khẳng định, đây là hai phương thức chuyển nghĩa tiêu biểu dẫn đến sự chuyển trường từ vựng – ngữ nghĩa của từ. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có nghiên cứu nào về ca từ trong ca khúc của Tô Thanh Tùng.

Nhạc sĩ Tô Thanh Tùng (1944-2017) sinh ra và lớn lên trên quê hương Đồng Tháp. Mảnh đất giàu ý thơ nơi ông sinh ra đã chấp cánh cho ông bay bổng trong cuộc đời sáng tạo nghệ thuật với hơn 200 ca khúc chủ yếu về tình yêu, mỗi bài là kết quả một sự trải nghiệm tình yêu của người nghệ sĩ tài hoa và cũng rất đào hoa. “Tình cây và đất” ra đời năm 1988, cùng với “Sao anh nữ đành quên”, “Hồng Ngự mang tên em”, “Giã từ”, “Giăng câu”, “Cô hàng xóm”,... đã đi sâu vào tâm khảm của khán thính giả trong nước và hải ngoại. Trong hàng trăm ca khúc để đời của ông, chúng tôi cho rằng “Tình cây và đất” là nổi trội nhất ở phép ẩn dụ, thể hiện tình yêu lứa đôi gắn liền với tình yêu thiên nhiên, đặc biệt là nhận thức đúng đắn về quan hệ giữa môi trường sinh thái với cuộc sống của con người. Trong bối cảnh ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng như ngày nay, không ít vùng đất vốn trù phú nay đã tạm “ngừng hơi thở” thì giá trị của ca khúc càng trở nên sâu sắc và mang tính thời sự rõ nét.

“Tình cây và đất” – đưa con tinh thần

của Tô Thanh Tùng tới nay trải qua hơn ba mươi năm, nhưng mỗi lần âm vang qua giọng hát mượt mà của các ca sĩ đều rung động hàng triệu triệu con tim biết yêu và trân trọng giá trị vĩnh hằng của cuộc sống. Có thể nói “Tình cây và đất” là tác phẩm tiêu biểu nhất, được truyền đi trong không gian nhiều nhất và rộng nhất trong các sáng tác của ông. Bí quyết của sự thành công ấy là do tác giả đã thả hồn vào cả vũ trụ, lắng nghe tâm sự của đất và cây mà ngõ đó là đôi tình nhân tâm đầu ý hợp tuy hai mà một, tuy một mà hai. Phép ẩn dụ mà miền nguồn là cây và đất, ánh xạ lên miền đích là tình yêu lứa đôi em và anh đã làm nên vẻ đẹp ngôn từ và giá trị nhân văn cao cả của ca khúc đi cùng năm tháng. Đó chính là đỉnh cao trong những cống hiến của Tô Thanh Tùng cho đời sau về mặt nghệ thuật, khiến thân xác ông đã rời xa nhân thế mà linh hồn ông còn âm vang mãi mỗi khi ca khúc được cất lên. Và lối ví *anh là đất, em là cây* tưởng chừng như phi lí mà trở thành chân lí, luôn khơi gợi tâm tư của bao người đã yêu, biết yêu và sẽ yêu. Tình yêu đó vượt lên giới hạn giữa những gái sắc trai tài, từ tình yêu lứa đôi vươn tới tình yêu thiên nhiên và môi trường sống. Không gian bao la chứa đựng tình yêu cũng bao la giữa em và anh, như cây và đất. Bài viết bằng phương pháp và thủ pháp phân tích, đối chiếu so sánh, làm nổi rõ nét độc đáo cũng như giá trị nhân văn của biện pháp ẩn dụ trong ca từ của tuyệt phẩm “Tình cây và đất”, khẳng định thêm một lần tài hoa sáng tạo nghệ thuật của Tô Thanh Tùng.

## 2. Khái quát về tu từ

### 2.1. Định nghĩa về tu từ

Về khái niệm tu từ, *Từ điển quy phạm tiếng Hán hiện đại* giải thích rằng, tu từ là “điều chỉnh, gọt giũa câu từ, vận dụng các phương thức thể hiện, khiến cho ngôn ngữ biểu đạt chính xác, mới mẻ, sinh động” (Li & Tang, tr. 1267). Cuốn *Tu từ ngữ pháp tiếng Hán* giải thích “tu từ là sự gia công tổng hợp về mặt nghệ thuật đối với ngôn

ngữ..., khiến cho giao tiếp ngôn ngữ đạt được hiệu quả cao nhất” (Li & Wu, 2003, tr. 199). Nhờ có các biện pháp tu từ, việc biểu đạt ngôn ngữ trở nên trong sáng, giàu tính hình tượng.

Đánh giá về vai trò của tu từ, Bàn Tăng An (1998) cho rằng “tu từ với tư cách là nghệ thuật khuyên nhủ, cũng là một nghệ thuật sử dụng ngôn từ trong thực tế, cho ta biết điều chỉnh lời nói thế nào để đạt được mục đích giao tiếp. Tu từ còn dựa vào các nghệ thuật khác, đặc biệt là logic,... Tu từ còn được coi là logic cộng với phong cách và nghệ thuật biểu đạt” (Peng, 1998, tr. 166). Các nhà ngôn ngữ học như Lý Hùng Vĩ, Vũ Hiểu Bình (2003) đã tổng kết được khoảng 20 biện pháp tu từ khác nhau, trong đó, thường được vận dụng trong ca từ gồm ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, khoa trương, đối ngẫu, lặp từ... Trong đó, ẩn dụ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc tạo ra tính hình tượng của ca từ. Từ những quan điểm của các học giả kể trên, có thể thấy, tu từ là nghệ thuật gọt giũa, nâng cao vẻ đẹp của ngôn từ, tạo ra phương cách biểu đạt tốt nhất, nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp cao nhất. Tu từ gồm ba loại, tu từ ngữ âm, tu từ từ vựng và tu từ ngữ pháp, thể hiện sự phong phú của từng bình diện ngôn ngữ trong quá trình sử dụng nhờ vào sự sáng tạo của người tham gia giao tiếp.

## 2.2. Khái quát về ẩn dụ

Ẩn dụ là một trong những biện pháp tu từ được sử dụng phổ biến trong sáng tác văn học nghệ thuật. Có thể nói, hầu hết các bài thơ hay, ca từ hay, truyền thống, có sức sống mãnh liệt, đi cùng năm tháng đều sử dụng một cách đặc địa và thành công biện pháp ẩn dụ. Chẳng hạn như “Tự nguyện” của Trương Quốc Khánh với lời ví *Nếu là chim, tôi sẽ là loài bồ câu trắng, nếu là hoa, tôi sẽ là một đóa hướng dương...*, hay như “Mùa xuân nho nhỏ” lời thơ Thanh Hải với tâm nguyện *Ta làm con chim hót, ta làm một nhành hoa...*, đã khiến cho thiên nhiên và con người hòa quyện bên nhau, và hình

tượng nghệ thuật trong ca từ trở nên lung linh. Hoa và chim xưa nay luôn được coi là hình ảnh biểu trưng cho mùa xuân âm dương hài hòa, có thanh có sắc, nhựa sống tràn trề. Về khái niệm ẩn dụ, *Từ điển quy phạm tiếng Hán hiện đại* giải thích rằng ẩn dụ “là một phép ví von so sánh. Phép ví von này thường dùng các từ như ‘là’, ‘chính là’, ‘trở thành’, ‘biến thành’..., thay thế cho từ biểu thị so sánh. Về hình thức, đó là dạng câu phán đoán, nhưng trên thực tế lại là phép ví von” (Li & Tang, 2001, tr. 1363). Thúc Định Phương cho rằng ẩn dụ là “sự thay thế giữa từ và từ. Bởi vì là một dạng thay thế giữa từ và từ, cho nên ẩn dụ là một công cụ có sử dụng hay không đều được. Nó chỉ là một phương tiện tăng cường hiệu quả biểu đạt của ngôn ngữ” (Shu, 2002, tr. 29).

Đỗ Hữu Châu cho rằng “ẩn dụ là cách gọi tên một sự vật này bằng tên một sự vật khác, giữa chúng có mối quan hệ tương đồng” (Đỗ, 1962, tr. 54). Quan điểm này thống nhất với quan điểm của Nguyễn Thiện Giáp, “ẩn dụ là sự chuyển đổi tên gọi dựa vào sự giống nhau giữa các sự vật hoặc hiện tượng được so sánh với nhau” (Nguyễn, 1998, tr. 162). Nguyễn Đức Tồn khẳng định “bản chất của ẩn dụ trước hết là *sự thay thế* tên gọi dựa trên sự *đồng nhất hóa* các sự vật, hiện tượng, tính chất... khi tư duy, con người phát hiện ra ở chúng ít nhất *cùng có một nét hay một đặc điểm nào đó*” (Nguyễn, 2013, tr. 207). Ngoài ra, còn có nhiều học giả bàn về ẩn dụ, như Nguyễn Văn Tu (1960), Nguyễn Lâm (1966), Đào Thản (1988), Phan Thế Hưng (2007)...

Từ những quan điểm của các học giả trên đây, chúng tôi cho rằng, ẩn dụ về bản chất là sự chuyển đổi tên gọi, về hình thức là dạng câu phán đoán, không có sự xuất hiện các yếu tố biểu thị so sánh, về nội hàm là sự thể hiện ý nghĩa so sánh, về nguồn gốc là kết quả của phép tư duy, liên tưởng giữa hai sự vật, hiện tượng có điểm tương đồng. Nói cách khác, đó là sự so sánh ngầm, là phương thức chuyển nghĩa của từ, làm cho ý nghĩa

của từ trở nên phong phú, đa dạng, giúp cho việc biểu đạt trở nên uyển chuyển, giàu tính hình tượng. Với tác giả của các tác phẩm văn học, đặc biệt là thơ ca, việc sử dụng đặc địa phép ẩn dụ là kết quả của năng lực tư duy liên tưởng phong phú giữa sự vật khách quan với con người. Với khán thính giả, đây là cơ hội giúp họ trau dồi và phát huy khả năng liên tưởng, năng lực thẩm mỹ để tận hưởng cái hay, cái đẹp của văn thơ, điệu nhạc. Giá trị thẩm mỹ và hiệu quả biểu đạt của biện pháp ẩn dụ là ở đó. Ba nhân tố tạo thành cơ chế của ẩn dụ gồm miền nguồn, miền đích và sự ánh xạ. Trong đó, miền nguồn đảm nhận chức năng cung cấp thông tin, hình ảnh cụ thể được hình thành từ quá trình tri nhận về sự vật, hiện tượng khách quan. Miền nguồn được chuyển qua cho miền đích. Miền đích tiếp nhận thông tin của miền nguồn để hình dung đặc trưng của sự vật, hiện tượng bằng những ý niệm trừu tượng. Quá trình chuyển hóa từ miền nguồn sang miền đích được gọi là sự ánh xạ. Chẳng hạn, từ miền nguồn “chén rượu”, qua tư duy liên tưởng, người Trung Quốc đã gắn kết nó với “cuộc sống” – một khái niệm hết sức trừu tượng nhằm tạo nên phép ví von *CUỘC ĐỜI LÀ MỘT CHÉN RƯỢU*, chứa đầy ngọt bùi, cay đắng của cuộc đời (生活是一杯酒, 饱含着人生的酸甜苦辣). Về hình thức, “cuộc đời là một chén rượu” thuộc câu phán đoán theo dạng thức **A là B**. Phép ẩn dụ này là kết quả của mối liên hệ giữa cuộc đời và chén rượu. Trong đó, rượu là miền nguồn với đặc tính trong vị đắng có vị ngọt của chất liệu làm ra nó. Rượu lại là phương thức để người ta chia sẻ nỗi niềm buồn vui, đồng thời là tinh hoa của thành phẩm nông nghiệp dâng lên tổ tiên, trời đất, thể hiện nét văn hóa tín ngưỡng và đạo lí uống nước nhớ nguồn. Tất cả làm nên phép ẩn dụ hết sức tinh tế, lí thú và gần gũi, dễ hiểu đối với nhân dân hai nước Việt – Trung thuộc cùng một không gian văn hóa mà sản xuất nông nghiệp là chủ đạo. Tuy nhiên, ý nghĩa ẩn dụ của *anh là đất, em là cây* lại có nét độc đáo làm nên phong cách ca từ của Tô Thanh Tùng.

### 3. Đặc điểm của phép ẩn dụ trong ca khúc “Tình cây và đất”

Lắng nghe ca khúc “Tình cây và đất” chúng ta bắt gặp hình ảnh *anh là đất, em là cây*, đó là lời ước nguyện trong tương lai gần tình yêu thực sự đến với đôi lứa để rồi đơm hoa kết trái. Trong cơ chế tạo nên phép ẩn dụ này, “đất” và “cây” là miền nguồn, qua tư duy liên tưởng độc đáo, tác giả đã để “cây” và “đất” – những sự vật cụ thể, gần gũi xung quanh ta ánh xạ lên miền đích là tình yêu đôi lứa – một khái niệm trừu tượng, cũng như cuộc sống nói chung, người ta chỉ có thể vẽ nên nó bằng một hoặc một số biểu hiện cụ thể như một cái ôm, một nụ hôn, một trái tim hay ánh mắt nhìn đắm đuối. “Cây” được định nghĩa là “thực vật có rễ, thân, lá rõ rệt hoặc vật có hình thù giống những thực vật có thân, lá” (Hoàng, 2020, tr. 217). Căn cứ vào cách định nghĩa này, chúng tôi chọn nghĩa thứ nhất “thực vật có rễ, thân, lá rõ rệt” làm cơ sở bàn về quan hệ giữa cây và đất, em và anh. Về khái niệm “đất”, *Từ điển tiếng Việt* đưa ra 8 nghĩa, trong đó, chúng tôi cho rằng có 3 nghĩa đầu liên quan hơn đến phép ẩn dụ được đề cập trong bài viết này. Đó là: (1) chất rắn ở trên đó người ta và các loài động vật, thực vật sinh sống; đối lập với *trời*, hoặc với *biển, nước*; (2) chất rắn làm thành lớp trên cùng của bề mặt trái đất, gồm những hạt vụn khoáng vật không gắn chặt với nhau và nhiều chất hữu cơ gọi là *mùn*, trên đó có thể trồng trọt được; (3) khoảng mặt đất trên đó có thể trồng trọt được (Hoàng, 2020, tr. 492).

Từ những cách định nghĩa trên có thể thấy, không phải bất kỳ đất nào cũng mang lại sức sống cho cây, nói cách khác là đất để trồng trọt. Cây với nghĩa gốc là loài thực vật thực thụ có rễ bám vào lòng đất để hấp thụ nhựa sống từ đất, nuôi thân và lá. Như vậy, cây và đất có quan hệ mật thiết với nhau, đất trồng phải là đất có khoáng chất, làm nguồn dinh dưỡng nuôi cây sinh trưởng và phát triển. Đất cằn, sỏi đá, ô nhiễm nếu không được cải tạo sẽ không có loài thực vật nào tồn tại. Ngược lại, cây xanh tươi sẽ là lớp

bình phong chở che cho đất, khiến cho đất không bị rửa trôi, lại luôn mát lạnh và giữ được độ ẩm. Đất tốt cây xanh, đất cằn cây lụi, điều đó phản ánh quan hệ tương tác giữa đất và cây. Em và anh trong tiếng Việt là lối xưng hô thân thiết, dùng trong quan hệ gia đình và phát triển ra quan hệ xã hội giữa những người trẻ tuổi, được xác định dựa trên quan hệ thứ bậc trong gia đình và những người độ tuổi chênh lệch nhau không nhiều ngoài xã hội. Ngày nay, cùng với sự phát triển của xã hội, nhiều người tuổi cao, đã bước sang lục thất tuần vẫn xưng gọi nhau bằng cặp từ xưng hô: anh – em, vừa thể hiện quan hệ gần gũi, vừa thỏa mãn tâm lý “tôi và anh còn trẻ” để rời mặc dù tuổi đã cao nhưng vẫn lạc quan yêu đời. Tuy nhiên, anh và em dùng để xưng hô giữa các cặp gái trai là tín hiệu tình yêu lứa đôi đã chớm nở và phát triển theo chiều hướng tốt lành. Mặc dù cách xưng hô giữa đôi lứa của lớp trẻ ngày nay đã có nhiều thay đổi nhưng cặp từ anh – em vẫn là cách xưng hô chính thức, phổ biến, tích cực và chuyên tải tình cảm sâu đậm của đôi lứa yêu nhau.

Theo quan niệm âm dương ngũ hành, đất tượng âm, ở dưới, tương ứng với trời tượng dương, ở trên. Trong tiếng Hán, từ ghép đẳng lập “天地: *thiên địa*” gồm từ tố 天 *thiên* (trời) đứng trước, từ tố 地 *địa* (đất) đứng sau, trật tự đó không thể thay đổi. Tuy nhiên, trong tiếng Việt, trật tự này linh hoạt hơn, ngoài “thiên địa” là từ gốc Hán ra, tiếng Việt còn có cặp từ “trời đất” và “đất trời” cùng tồn tại với sự hài hòa giữa thanh bằng và thanh trắc cũng như vận mẫu khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận dụng vào sáng tác thơ ca. Câu *Đất trời một thoáng thu màn ướt; Sông núi muôn trùng trái gấm phơi* trong lời dịch thơ của Nam Trân qua bài thơ nguồn chữ Hán “晴天: Tình thiên” (trời hửng) của Hồ Chủ tịch là một ví dụ tiêu biểu. Tương ứng với trời đất/ thiên địa trong vũ trụ quan là trai gái/ nam nữ trong nhân sinh quan. Trong tác phẩm của mình, Tô Thanh Tùng đã tạo cho mình một hướng đi riêng. Ông căn cứ vào tính chất của mối quan hệ

giữa cây, tiêu biểu cho thế giới thực vật và đất tiêu biểu cho nền tảng tồn tại và phát triển của cây; từ mối liên hệ giữa cây và đất, gắn nó với mối liên hệ giữa em và anh trong tình yêu lứa đôi. Trên cơ sở các mối liên hệ này, Tô Thanh Tùng đã tạo lập nên phép ẩn dụ mà miền nguồn là đất và cây, ánh xạ lên miền đích là anh và em. Bằng cách nhìn tinh tế đó, ông đã lập nên biểu thức phán đoán *anh là đất* và *em là cây*, mà ẩn chứa trong đó là phép so sánh “anh như mảnh đất phì nhiêu”, “em như cây xanh bám rễ vào lòng đất”, làm nên xuân đời, xuân tình như mùa xuân thiên nhiên vậy. Mùa xuân về, ánh dương huy hoàng, ấm áp mang lại sức sống cho muôn loài trong đó có thế giới thực vật, giúp chúng nảy mầm, đơm chồi kết hoa chờ ngày trĩu quả. Cây tươi xanh hấp thụ khí các-bô-níc, nhả ra khí ô-xi cho không khí trong lành, tạo nên môi trường sinh thái lí tưởng cho cuộc sống con người. Và cụm từ “hoi thở của đất” được hình thành, diễn tả sự sống lành mạnh do môi trường mang lại làm tiền đề cho sự sáng tạo mới “đất ngừng hoi thở” khi “đất vắng cây”. Rõ ràng rằng, sự sáng tạo của Tô Thanh Tùng mang tính kế thừa. Từ bề mặt của từng con chữ “anh là đất” trong chùng mực nào đó có thể gây “hoài nghi” lâm thời cho người cảm nhận. Lối ví von này có phần trái ngược với quan niệm âm dương truyền thống. Tiếng Việt có từ “đất mẹ” cũng như tiếng Anh có từ “Mother Earth”.

Tiếng Hán tuy không có cách biểu đạt tương tự, nhưng truyền thuyết “Nữ Oa tạo người” kể rằng, Nữ Oa dùng đất sét nặn ra người, khi chưa có tác động của ánh mặt trời thì những người được bà nào nặn đều không cử động. Những căn cứ này giúp ta thêm một lần có thể khẳng định, đất tượng âm biểu trưng cho người mẹ, người phụ nữ, là quan niệm phổ biến của nhiều dân tộc. Mặc dù vậy, nhìn lại lịch sử, Việt Nam có lối nói *thuyền theo lái, gái theo chồng*, tương ứng với 嫁鸡随鸡, 嫁狗随狗 *giá kê tùy kê, giá cẩu tùy cẩu* (gả cho gà thì theo gà, gả cho chó thì theo chó) trong tiếng Hán, phản ánh thân phận lệ thuộc vào đàn ông của người

phụ nữ và trách nhiệm trụ cột gia đình của người đàn ông mà lịch sử đã từng chứng kiến. Vai trò nuôi dạy vợ con của người đàn ông theo quan niệm truyền thống đã được Nguyễn Bình Khiêm thể hiện qua bài “Tăng thú” (憎鼠: ghét chuột) bằng câu *Phụ mẫu ngưỡng tri sự, thê tử phủ tri dục* (父母仰知事, 妻子俯知育: trông lên biết cách phụng dưỡng cha mẹ, cúi xuống biết đường nuôi dạy vợ con). Và trong ca khúc “Tình cây và đất”, người đàn ông được ví như mảnh đất dày phì nhiêu, vững chắc, làm nền tảng, chỗ dựa cho người phụ nữ; người phụ nữ được ví như cây xanh luôn bám rễ vào lòng đất, làm cho nền đất vững hơn, tỏa bóng mát che cho mặt đất. Tập tục trồng cây ngăn lũ, chống xói mòn cũng có cơ sở khoa học về quan hệ giữa đất, nước và cây. Trong ca khúc còn xuất hiện cụm từ “chuyện trăm năm ân tình cây và đất”. Quan niệm truyền thống đều cho rằng giới hạn của đời cây là mười năm trong tương quan với đời người là trăm năm. “Mười năm trồng cây, trăm năm trồng người” là câu cách ngôn quen thuộc với cả người Việt Nam và người Trung Quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời đã từng dạy *Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người*, cho đến nay mỗi người dân Việt Nam vẫn luôn khắc ghi và thực hiện.

Ngày nay, môi trường ô nhiễm – mặt trái của thời kỳ công nghiệp hóa và hậu quả của biến đổi khí hậu khiến cho đất khô cằn, đất ô nhiễm và sa mạc hóa ngày càng lan rộng tới cả những miền quê vốn dĩ ruộng đồng phì nhiêu, rợp trời bóng mát, và trong đời sống của con người thời hiện đại ngày càng nhiều cuộc tình dang dở, những lứa đôi dễ dàng lia bỏ nhau, thậm chí là những cặp vợ chồng trẻ đang ấm êm hạnh phúc cũng xem nhẹ việc hàn gắn khi mâu thuẫn xảy ra, rạn nứt tình cảm. Trong bối cảnh đó, mỗi lần nghe ca khúc, cảm nhận về ước nguyện *anh là đất, em là cây*, chúng ta càng thấy thấm thía ý nghĩa của ca từ và chân giá trị của biện pháp ẩn dụ mà miền nguồn là cây và đất, được ánh xạ lên miền đích là em và anh. Có

thể nói, phép ẩn dụ này đã đạt được mục tiêu “một mũi tên trúng hai đích”, vừa khuyên con người nhận thức đúng đắn và biết trân trọng giá trị của môi trường, vừa nhắc nhở lớp trẻ biết nâng niu, gìn giữ, chăm lo cho hạnh phúc lứa đôi, để cho tiếng cười luôn ngập tràn trong mỗi gia đình và mùa xuân thiên nhiên cũng như mùa xuân tình yêu của tuổi trẻ mãi mãi vững bền. Câu kết của ca khúc là lời khuyên nhủ, cũng là lời cảnh báo: chỉ có những người nhận thức đúng đắn về mối liên hệ giữa cây và đất, giữa tình cảm nam và nữ trong tình yêu lứa đôi mới được vinh dự tận hưởng hạnh phúc và cuộc tình trăm năm của mỗi người đều ngập tràn sắc xuân. “Mùa xuân vĩnh hằng” với ý nghĩa ẩn dụ chỉ sự bất diệt, trường tồn của thiên nhiên, cũng là cuộc sống hạnh phúc vững bền, muôn thuở của con người, là lời kết hết sức có hậu dành cho những ai biết trân trọng chân giá trị của cuộc sống.

Bên cạnh hình ảnh ẩn dụ *cây và đất*, trong ca khúc còn xuất hiện hình ảnh *ngày xanh* trong câu *Cho lứa đôi kết thành mộng ước của ngày xanh*. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Liên (2021), từ miền nguồn, từ chỉ màu sắc “xanh” trong tiếng Việt ánh xạ lên các miền đích như: (1) cung bậc tích cực của cảm xúc; (2) cung bậc tiêu cực của cảm xúc; (3) đặc trưng, tính cách của đối tượng; (4) vai trò, giá trị của đối tượng; (5) sự biến động, vận động của đối tượng. Đặc biệt là tác động của màu xanh đến tâm lý con người ánh xạ lên miền đích là đặc tính của thời gian được con người cảm nhận như *đêm xanh, buổi trưa xanh ngời*, hay *ngày xanh biếc đất, nắng đầy hồn ta* (Chế Lan Viên – *Trưa dưới vòm cây*) (Nguyễn, 2021, tr. 19). Tô Thanh Tùng lại chọn hình ảnh *ngày xanh* cũng theo mạch tư duy liên tưởng giữa màu xanh và sự cảm nhận về thời gian của con người. Màu xanh trước hết được cảm nhận từ tác động của cỏ cây, hoa lá đang vươn lên đón nhận ánh dương huy hoàng ấm áp của mùa xuân, qua hạ, sang thu mới ngả sắc vàng. Từ *ngày xanh* trong những câu thơ của các bậc tiền bối như *ngày xanh mơn mõi má hồng phôi*

*pha* (Nguyễn Du – *Truyện Kiều*) và *Ngày xanh như ngọc, đầu xanh bạc* (Tản Đà – *Tiến ông Công lên châu giời*) cũng đồng nhất về nghĩa với *ngày xanh* của Tô Thanh Tùng, đó là tuổi trẻ, tuổi thanh xuân – những năm tháng tràn đầy sức sống, nhiệt huyết và hy vọng. Có thể nói “xanh” được sử dụng rộng rãi trong rất nhiều sáng tác nghệ thuật, từ sắc màu của cỏ cây, của vũ trụ, “xanh” ánh xạ lên miền đích, chỉ sức trẻ của cuộc đời. Những hình ảnh như *Xanh núi, xanh sông, xanh đồng, xanh biển; Xanh trời, xanh cả những ước mơ... Tôi bay giữa màu xanh giải phóng* (Tố Hữu – *Vui thế hôm nay: Máu và hoa*) hay *Trời xanh đây là của chúng ta* (Nguyễn Đình Thi – *Đất nước*) đều là những ví dụ điển hình cho ý nghĩa ẩn dụ tích cực của “xanh”. Có thể thấy, sự chuyển nghĩa của từ chỉ màu sắc “xanh” trong tiếng Việt phản ánh đặc điểm tri nhận của người Việt Nam về một trong những sắc màu của tự nhiên, từ đó liên tưởng sang cuộc sống thực tế qua cảm quan của thị giác về thuộc tính của sự vật, mà thuộc tính “là sự thể hiện tâm lí của đặc tính sự vật, là kết quả của sự tương tác giữa tri nhận của con người với sự vật hiện thực” (Nguyễn, 2014, tr. 68), được phạm trù hóa và ý niệm hóa. Hình ảnh *ngày xanh* trong ca khúc *Tình cây và đất* chính là sự thể hiện sinh động một sự chuyển nghĩa theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận. Phép ẩn dụ trong ca khúc “*Tình cây và đất*” đã thể hiện rõ nét quan điểm “ẩn dụ ý niệm tạo nên không gian tư duy rộng lớn, nối kết tư tưởng, tình cảm giữa người phát ngôn với người tiếp nhận thông tin, đồng thời tạo ra mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng với nhau cũng như mối liên hệ giữa hiện thực khách quan với bản thân con người” (Phạm, 2018, tr. 17).

#### 4. Các biện pháp tu từ khác trong “*Tình cây và đất*”

Ngoài ẩn dụ, ca khúc “*Tình cây và đất*” còn vận dụng một số biện pháp tu từ khác như nhân hóa, phép lặp, phép đối... Ngay từ câu đầu được tạo hình nghệ thuật

bằng thủ pháp nhân hóa kết hợp với phép lặp và đối xứng *Đất vắng cây, đất ngừng/ Ngừng hơi thở; cây thiếu đất, cây sống/ Sống với ai*. Các động từ *vắng, thiếu, ngừng, sống* đều liên quan đến hành vi, tính chất của con người và đời sống con người. Trong đó, “vắng” có nghĩa là “không có mặt, không xuất hiện ở một nơi nào đó như bình thường...; không hoặc ít có người qua lại, lui tới hoạt động...; yên ắng, không hoặc rất ít có biểu hiện của hoạt động con người” (Hoàng, 2020, tr. 1745). Hai động từ *ngừng* và *sống* được lặp lại, kết hợp với hai về nói về đất và cây đối xứng nhau, thể hiện sự gắn bó keo sơn giữa hai thực thể cây và đất cũng như ý nghĩa nhân văn của sự sống, khiến người ta liên hệ đến tình yêu giữa hai bên nam và nữ. Cụm từ *ngừng hơi thở* diễn tả một cách dè dặt, uyển chuyển về cái chết, *ngừng* có thể sẽ tiếp tục, nhưng cũng có thể là vĩnh viễn. Đất ngừng thở khi phải vắng cây, như em hao gầy khi phải xa anh. Theo đó, đại từ phiếm chỉ *ai* đặt trong câu hỏi tu từ (*sống với ai*), diễn tả nỗi cô đơn, trống trải khi anh xa em như cây thiếu đất. Hai động từ “bám” và “ôm” nổi trội trong hai câu *cây bám rễ sâu* và *đất ôm chặt đáy lòng* thêm một lần mô tả tình cảm gắn bó thiết tha, khăng khít, hô ứng, đồng điệu đến đỉnh điểm giữa đôi bên. *Từ điển tiếng Việt* giải thích, “bám” nghĩa là: (1) tự giữ chặt vào hoặc dính chặt vào cho không rời ra khỏi; (2) không lìa, không rời một chút nào cả; (3) dựa vào để tồn tại, để bầu vùi (Hoàng, 2020, tr. 47). Còn như từ “ôm” nghĩa là: (1) vòng hai tay qua để giữ sát vào lòng, vào người; (2) giữ mãi, nuôi mãi trong lòng (Hoàng, 2020, tr. 1209). Trong đó, nghĩa thứ hai, thứ ba của từ “bám” và nghĩa thứ hai của từ “ôm” đều được phái sinh từ nghĩa thứ nhất. Đối chiếu với ca khúc, có thể thấy, “bám” và “ôm” được dùng như một thủ pháp nhân hóa để cây và đất trở thành hai con người có tình cảm thực thụ, không thể sống thiếu nhau, xa nhau. Tất cả những từ vốn diễn tả hoạt động của con người đã được Tô Thanh Tùng dùng cho cây và đất trong mối tương quan giữa hai thực

thể này là sự thể hiện của phép nhân hóa được vận dụng một cách hết sức tinh tế, khiến người nghe cảm nhận và thấu hiểu đất và cây cũng có linh hồn như con người. Nhờ đó mà mối liên hệ giữa cây và đất với em và anh càng trở nên gần gũi, dễ hiểu, dễ hình dung. Việc vận dụng phép nhân hóa đó làm nền cho sự hình thành cơ chế ẩn dụ *anh là đất, em là cây* ở cuối ca khúc, thể hiện ước nguyện thiết tha được gắn bó keo sơn bên nhau trọn đời giữa đôi lứa yêu nhau. Hình ảnh “trời se duyên” cũng mang sắc thái nhân hóa. Trời được coi như đáng tối cao vô hình, cũng là lẽ tự nhiên, khách quan với con người. Trời trong lời ca trở thành ông tơ bà nguyệt, tác thành cho đôi lứa anh và em.

Cặp câu sóng đôi *Đất vắng cây và cây thiếu đất* xuất hiện ngay từ đầu ca khúc không chỉ cân xứng về số chữ mà còn có sự hoán đổi vị trí của *đất* và *cây* ở hai vị trí chủ ngữ (chủ thể) và tân ngữ (khách thể) trong cùng một dạng câu với hai động từ vị ngữ *vắng* và *thiếu*, khiến người nghe cảm nhận được *đất* và *cây* tuy hai mà một, chúng làm nên một cặp song hành, như hai trái tim chung một nhịp đập, chung một tâm tình đang hướng về nhau, thổ lộ cùng nhau, khát khao luôn bên nhau. Và câu hỏi tu từ “sống với ai” như một giả thiết tình yêu mà mỗi con người biết sống có ý nghĩa đều có thể tìm ra lời đáp.

Ngoài ra, ca khúc còn xuất hiện cặp câu sóng đôi *những con đường trái dài bóng mát và những mảnh vườn trái ngọt cây xanh*. Từ *những* được lặp lại như hồi ức, hoài niệm, trải ra trước mắt tác giả cũng như ca sĩ và thính giả màu xanh man mác và hương vị ngọt lành do bàn tay lao động của con người đem lại, tạo nên cảm giác nhiều, nhiều lắm những món quà mà thiên nhiên ban tặng cũng như thành quả kết tinh từ lao động dâng hiến cho đời.

## 5. Lời kết

“Tình cây và đất” là bản tình ca đi cùng năm tháng, gắn liền với tên tuổi của

nhạc sĩ Tô Thanh Tùng. Lời ca mượt mà đậm thắm, trong đó có sử dụng nhiều biện pháp tu từ như ẩn dụ, nhân hóa, điệp từ, đối ngẫu... Tuy nhiên, nổi bật nhất vẫn là biện pháp ẩn dụ được tác giả xây dựng trên cơ sở mối liên hệ giữa đất và cây, giữa hai bên nam nữ trong tình yêu lứa đôi. Sự vật cụ thể “đất” và “cây” được chọn làm miền nguồn ánh xạ lên miền đích: tình yêu, trong đó, nam được ví với đất, nữ được ví với cây, thể hiện bằng lối xưng hô phổ biến “anh” và “em”. Phép ví von ấy nhìn từ góc độ học thuyết âm dương dường như có phần trái quy luật, nhưng ở góc độ mối liên hệ qua lại giữa đất và cây, nam và nữ thì hoàn toàn không có gì mâu thuẫn. Có thể coi toàn bộ lời ca là niềm tâm sự, cũng là câu chuyện trăm năm mà “cây” và “đất” thì thắm với nhân gian. Đó chính là sự phát hiện hết sức tinh tế của Tô Thanh Tùng. Nét độc đáo của phép ẩn dụ đã làm nên giá trị nhân văn sâu sắc và sức sống mãnh liệt của ca khúc mãi mãi trường tồn với thời gian. Bên cạnh đó là phép nhân hóa khiến cho “đất” và “cây” trở thành “người tình trăm năm” cùng chung mộng ước, gắn bó bên nhau dựng xây mùa xuân vĩnh cửu. Chuyện trăm năm của cây và đất là lời răn dạy ý vị dành cho thế hệ trẻ, giúp họ biết trân trọng đất trời, sông núi, cỏ cây và không ngừng vun đắp, gìn giữ cho tình yêu lứa đôi mãi mãi như mùa xuân khỏe sắc, tỏa hương.

## Tài liệu tham khảo

- Dương, V. Á. (2000). *Ca từ trong âm nhạc Việt Nam*. NXB Viện âm nhạc.
- Đào, T. (1988). *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*. NXB Khoa học xã hội.
- Đỗ, H. C. (1962). *Giáo trình Việt ngữ* (tập 2). NXB Giáo dục.
- Hoàng, P. (2020). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- Li, B. J., & Tang, Zh. Ch. (2001). *Xiandai Hanyu guifan cidian*. Jilin daxue chubanshe.
- Li, H. W., & Wu, X. P. (2003). *Hanyu yufa xiuci*. Jilin renmin chubanshe.
- Nguyễn, Đ. T. (2013). *Những vấn đề của ngôn ngữ học cấu trúc dưới ánh sáng lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại*. NXB Khoa học xã hội.



- Nguyễn, T. B. H. (2015). *Ân dụ tri nhận trong ca từ Trịnh Công Sơn* [Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội]. [http://tailieudientu.lrc.tnu.edu.vn/Upload/Collection/brief/brief\\_43846\\_47790\\_151020\\_14144322nguyenthibichhanh.pdf](http://tailieudientu.lrc.tnu.edu.vn/Upload/Collection/brief/brief_43846_47790_151020_14144322nguyenthibichhanh.pdf)
- Nguyễn, T. G. (1998). *Từ vựng học tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn, T. G. (2014). *Nghĩa học Việt ngữ*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, T. L. (2021). Ân dụ ý niệm “xanh” trong tiếng Việt. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Phú Yên*, 26, 17-23.
- Nguyễn, T. T. H. (2021). *Đặc điểm từ vựng – ngữ nghĩa của ca từ trong ca khúc cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975* [Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội]. [https://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU\\_123/138198](https://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU_123/138198)
- Peng, Z. A. (1998). *Yuyong xiuci wenhua*. Xuelin chubanshe.
- Phạm, N. H., & Lê, T. K. D. (2018). Ý nghĩa ẩn dụ của *tùng, trúc, mai* trong tiếng Hán và tiếng Việt. *Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài*, 34(6), 15-24. <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4319>
- Shu, D. F. (2002). *Xiucixue yanjiu*. Shanghai waiyu jiaoyu chubanshe.
- Trần, N. T. (2013). Nguồn gốc Đông Nam Á của triết lý âm dương. *Triết học*, 1(260), 32-40.

## THE UNIQUENESS OF LITERARY DEVICES IN THE SONG “TINH CAY VA DAT” BY TO THANH TUNG

Pham Ngoc Ham

VNU University of Languages and International Studies,  
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

**Abstract:** Songs, especially love songs, are beautiful and touching because of the melody. However, it is the lyrics that make an everlasting song. A key factor that contributes to the beauty of lyric is the use of literary devices. In the song “Tinh cay va dat” (lit. Love between tree and earth) by To Thanh Tung, the uniqueness of literary devices, especially metaphor, exerts a strong impression on listeners. The article employs some research methods and techniques such as analysis, comparison-contrast, to highlight the use of literary devices in the song “Tinh cay va dat”, which shows the talent of To Thanh Tung.

*Keywords:* literary devices, flora, earth, song, uniqueness